

Số: 157/QC-HĐQT

Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường về việc thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người liên quan.

3. Quy chế này áp theo quy định hiện hành, nếu quy định hiện hành (luật, nghị định, thông tư, ...) thay đổi thì đương nhiên quy chế này tham chiếu và chịu sự điều chỉnh của thay đổi đó.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Theo Điều 138 Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành, trong đó có một số nội dung chủ yếu sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Theo Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Theo Điều 141 Luật doanh nghiệp;

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Theo Khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng và quy định hiện hành;

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Theo Điều 143 Luật doanh nghiệp;

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp): Theo Điều 142 Luật doanh nghiệp;

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Theo Điều 144 Luật doanh nghiệp;

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Theo Điều 144 Luật doanh nghiệp;

h) Điều kiện tiến hành Theo Điều 145 Luật doanh nghiệp;

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Theo Điều 147 Luật doanh nghiệp;

k) Cách thức bỏ phiếu: Theo Khoản 3 Theo Điều 148 Luật doanh nghiệp;

l) Cách thức kiểm phiếu: Theo Điều 149 Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành;

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua: Theo Điều 148 Luật doanh nghiệp;

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu theo Khoản 6 Điều 149 Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành;

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp;

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Theo Điều 150 Luật doanh nghiệp;

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Theo Khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng và theo quy định hiện hành;

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà không được lấy ý kiến bằng văn bản (Điều 147 Luật doanh nghiệp) đó là:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Theo Điều 149 Luật doanh nghiệp

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó có quy định rõ về các nội dung sau: Theo quy định hiện hành

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau: Theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị): Theo Điều 153 Luật doanh nghiệp;

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Theo Điều 26 Điều lệ Công ty;

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Theo Điều 26 Điều lệ Công ty và phù hợp với Công ty;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Theo Điều 25 Điều lệ Công ty;

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị: Theo Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp;

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Theo Điều 160 Luật doanh nghiệp;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Theo Điều 160 Luật doanh nghiệp;

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Theo Điều 115 Luật doanh nghiệp;

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Theo Điều 153 Luật doanh nghiệp;

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: Theo Điều 163 Luật doanh nghiệp.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp;

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp;

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định): Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp;

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp;

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp;

e) Cách thức biểu quyết: Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp;

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp;

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp;

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị: Theo Điều 158 Luật doanh nghiệp;

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Theo Điều 158 Luật doanh nghiệp;

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Theo quy định hiện hành về công bố thông tin.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: Đáp ứng được yêu cầu công việc và phù hợp với Công ty;

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Do Hội đồng quản trị;

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Theo quy định hiện hành về công bố thông tin.

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty: Theo quy định hiện hành.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát: Theo Điều 170 Luật doanh nghiệp

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát: Theo Điều 168 Luật doanh nghiệp

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Theo Điều 169 Luật doanh nghiệp và phù hợp với Công ty;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Theo Điều 36 Điều lệ Công ty

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Theo Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp;

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Theo Điều 174 Luật doanh nghiệp;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Theo Điều 174 Luật doanh nghiệp;

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát: Theo Điều 172 Luật doanh nghiệp;

Điều 5. Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc): Theo Điều 162 Luật doanh nghiệp;

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc), gồm nội dung chính sau: Theo Điều 162 Luật doanh nghiệp;

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc (Tổng Giám đốc): Theo Điều 162 Luật doanh nghiệp và phù hợp với Công ty;

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc): Do Hội đồng quản trị quyết định;

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc): Do Hội đồng quản trị quyết định;

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc): Do Hội đồng quản trị quyết định;

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc): Do Hội đồng quản trị quyết định;

e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc): Theo Điều 163 Luật doanh nghiệp và Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc), gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc): Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế;

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế;

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc (Tổng Giám đốc): Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế;

d) Các trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế;

đ) Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế;

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) : Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế;

g) Các vấn đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế;

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên: Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các người điều hành doanh nghiệp khác: Thực hiện theo quy định hiện hành và thông lệ quốc tế.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường bao gồm 7 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/4/2021 và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã ban hành trước đây./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Kiều Văn Mát

(Đã ký)